TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo;
2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1); địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Xuân S – Cán bộ Ngân hàng V1

+ Bà Phan Thị Hoàng G - Cán bộ Ngân hàng V1

+ Ông Nguyễn Phan Ngọc Đ - Cán bộ Ngân hàng V1

+ Ông Vũ Trần Thanh H - Cán bộ Ngân hàng V1

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/8/2025)

- *Bị đơn*: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Căn hộ B, tầng A, khu chung cư P, tổ chung cư P, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Tạm trú: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đ có mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Đ) trình bày:*

Ngân hàng V1 đã ký với ông Vũ Xuân T và Nguyễn Thị Q các hợp đồng tín dụng. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022 với nội dung cho ông T, bà Q vay số tiền là 1.095.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản thửa đất số 290 tờ bản đồ 33 tọa lạc tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); thời hạ vay là 360 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 12,7%/năm. Lãi suất này sẽ được V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 26 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 26/4/2022, mỗi kỳ trả 3.042.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả lãi vào ngày 26 hàng tháng; ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Ngày 25/3/2022 V1 đã giải ngân cho ông T, bà Q theo đơn đề nghị kiêm khế ước nhận nợ số 8855210.22 với số tiền là 1.095.000.000 đồng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023 với nội dung cho ông T, bà Q vay số tiền là 1.050.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua ô tô con, mới 100%, phục vụ đi lại, nhãn hiệu FORD EVEREST, biển số 61K-236.98; thời hạ vay là 96 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,00%/năm. Lãi suất này 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Thông tin về lãi suất cơ sở theo sản phẩn tại từng thời kỳ được thông báo trên website của VIB và/hoặc theo hình thức thông báo khác do V1 quyết định trong từng thời kỳ. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 26 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 26/7/2023, mỗi kỳ trả 10.937.500 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả lãi vào ngày 26 hàng tháng; ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Ngày 22/6/2023 V1 đã giải ngân cho ông T, bà Q theo đơn đề nghị kiêm khế ước nhận nợ số 2942481.23 với số tiền là 1.050.000.000 đồng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Căn cứ đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020, V1 đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T chi tiết thẻ như sau: 513892******1651, hạn mức thẻ được cấp hiện tại: 111.000.000 đồng; lãi suất,phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà Q đã vi phạm nội dung thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 26/2/2024 và

đang xếp loại nợ xấu nhóm 4 theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Tạm tính đến ngày 26/9/2025 ông T, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền là 548.335.203 (trong đó gốc 175.361.500 đồng và lãi 372.973.703) và còn nợ Ngân hàng V1 số tiền là 2.705.135.985 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông T, bà Q có thế chấp cho Ngân hàng V1 thửa đất số 290 tờ bản đồ 33 tọa lạc tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA837162, số vào sổ cấp GCN: CS06049, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/4/2021, cập nhật trang 4 cho ông Vũ Xuân T ngày 7/3/2022. Tài sản này được thế chấp cho V1 theo hợp đồng thế chấp số công chứng 03364, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 24/3/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Nay Ngân hàng VIB yêu cầu như sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 2.705.135.985 đồng gồm: nợ gốc 2.065.036.648 đồng; nợ lãi trong hạn 244.621.055 đồng; nợ lãi quá hạn 359.170.923 đồng và phí 36.307.359 đồng.

- Ngân hàng được tính lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký (Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8855210.22 ngày 25/03/2022 và Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2942481.23 ngày 22/6/2023; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020).

- Trường hợp ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 290, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyên sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA837162, số vào sổ cấp GCN: CS06049, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/4/2021 đứng tên ông Nguyễn Ngọc L, cập nhật chuyển nhượng cho ông Vũ Xuân T ngày 07/03/2022. Tài sản được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 03364, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 24/3/2022 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Ngoài ra ông Đ không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Vũ Xuân T, Nguyễn Thị Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông T, bà Q vẫn vắng mặt không có lý do*.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng V1 khởi kiện ông Vũ Xuân T, bà Nguyễn Thị Q yêu cầu thanh toán số tiền (tính đến hết ngày 26/9/2025) là 2.705.135.985 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022; Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà Q có nơi cư trú tại ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là TAND khu vực số A - Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng V1 cho ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q vay vốn cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022 với nội dung cho ông T, bà Q vay số tiền là 1.095.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản thửa đất số 290 tờ bản đồ 33 tọa lạc tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); thời hạ vay là 360 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 12,7%/năm. Lãi suất này sẽ được V1 chủ

động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 26 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 26/4/2022, mỗi kỳ trả 3.042.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả lãi vào ngày 26 hàng tháng; ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Ngày 25/3/2022 V1 đã giải ngân cho ông T, bà Q theo đơn đề nghị kiêm khế ước nhận nợ số 8855210.22 với số tiền là 1.095.000.000 đồng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023 với nội dung cho ông T, bà Q vay số tiền là 1.050.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua ô tô con, mới 100%, phục vụ đi lại, nhãn hiệu FORD EVEREST, biển số 61K-236.98; thời hạ vay là 96 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,00%/năm. Lãi suất này 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Thông tin về lãi suất cơ sở theo sản phẩn tại từng thời kỳ được thông báo trên website của VIB và/hoặc theo hình thức thông báo khác do V1 quyết định trong từng thời kỳ. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 26 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 26/7/2023, mỗi kỳ trả 10.937.500 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả lãi vào ngày 26 hàng tháng; ngày trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Ngày 22/6/2023 V1 đã giải ngân cho ông T, bà Q theo đơn đề nghị kiêm khế ước nhận nợ số 2942481.23 với số tiền là 1.050.000.000 đồng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Căn cứ đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020, V1 đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T chi tiết thẻ như sau: 513892******1651, hạn mức thẻ được cấp hiện tại: 111.000.000 đồng; lãi suất, phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Tạm tính đến ngày 26/9/2025 ông T, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền là 548.335.203 (trong đó gốc 175.361.500 đồng và lãi 372.973.703) và còn nợ Ngân hàng V1 số tiền là 2.705.135.985 đồng.

Xét thấy chứng cứ Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022; Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020. Các hợp đồng này được ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà Q đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi và các chi phí khác đầy đủ cho Ngân hàng theo quy định tại mục 2.5 Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại mục 4.1 của điều khoản và điều kiện cấp tính dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông T, bà Q nhiều lần nhưng ông T, bà Q vẫn không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông T, bà Q phải thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 2.705.135.985 đồng (trong đó nợ gốc

2.065.036.648 đồng; nợ lãi trong hạn 244.621.055 đồng; nợ lãi quá hạn 359.170.923 đồng và phí 36.307.359 đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông T, bà Q có thế chấp cho Ngân hàng VIB 01 quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4735939.22.613 ngày 24/3/2022: Quyền sử dụng đất thửa đất số 290, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA837162, số vào sổ cấp GCN: CS06049, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/4/2021, cập nhật trang 4 cho ông Vũ Xuân T ngày 7/3/2022. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương số công chứng 03364, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2022 và được đăng ký thế chấp số 2153, quyển số 29 ngày 24/3/2022.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp các quyền về tài sản nêu trên thì trường hợp ông T, bà Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ trên thì Ngân hàng V1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Việc thế chấp tài sản theo đúng quy định pháp luật và trên cơ sở tự nguyện. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng. Ngân hàng V1 đã nộp, ông T, bà Q có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng V1.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà Q chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng V1.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 317, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) đối với ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q.

1.1. Buộc ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) số tiền tính đến hết ngày 26/9/2025 là 2.705.135.985 đồng (hai tỷ bảy trăm lẻ năm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng) (trong đó nợ gốc 2.065.036.648 đồng (hai tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn 244.621.055 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn không trăm năm mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn 359.170.923 đồng (ba trăm năm mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng) và phí 36.307.359 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm lẻ bảy nghìn ba trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày 27/9/2025, nếu ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông T, bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022; Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 8855210.22 ngày 22/3/2022; Hợp đồng tín dụng số 2942481.23 ngày 22/6/2023; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/7/2020, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) thì lãi suất mà ông T, bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1).

1.2. Trong trường hợp ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4735939.22.613 ngày 24/3/2022 để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định: Ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Q phải chịu 86.102.719 đồng (tám mươi sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn bảy trăm mười chín đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) 39.127.739 đồng (ba mươi chín triệu một trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009947 ngày 20/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh